

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2012

Số: 149/2012/TTLT-BTC-
BLĐTBXH-BVHTTDL

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011
của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên
thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu**

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu (sau đây gọi chung là Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg).

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp một lần, bồi thường tai nạn và tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận

động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu quy định tại Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chế độ tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp một lần và bồi thường tai nạn quy định tại Thông tư này áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao là người Việt Nam thuộc đội tuyển quốc gia; đội tuyển trẻ quốc gia; đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thời gian tập trung tập huấn (tập luyện, huấn luyện) và thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chế độ tiền thưởng quy định tại Thông tư này áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc đội tuyển quốc gia; đội tuyển trẻ quốc gia; đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập thành tích trong thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế.

3. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định triệu tập đội tuyển, gồm:

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao (đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia);

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc các đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của bộ, ngành);

c) Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc các đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ sử dụng tại Thông tư này được hiểu như sau:

1. Cơ quan, tổ chức quản lý huấn luyện viên, vận động viên là cơ quan, tổ chức nơi huấn luyện viên, vận động viên được tuyển vào làm việc hoặc luyện tập thi đấu thường xuyên trước khi được triệu tập vào đội tuyển thể thao các cấp (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý).

2. Cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên là cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại các đội tuyển thể thao các cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức quản lý huấn luyện viên, vận động viên có thể đồng thời là cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên (sau đây gọi chung là cơ quan sử dụng).

Chương II

CHẾ ĐỘ TIỀN CÔNG

Điều 4. Tiền công đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trả công bằng tiền theo ngày trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu theo mức quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg.

Điều 5. Tiền công đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước

1. Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng nguyên lương (lương chuyên môn nghiệp vụ và phụ cấp lương nếu có) tại cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên. Trường hợp mức tiền lương theo ngày của huấn luyện viên, vận động viên thấp hơn mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg thì cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chi trả thêm phần chênh lệch để đảm bảo bằng mức tiền công tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg. Mức tiền lương theo ngày của huấn luyện viên, vận động viên được xác định bằng tiền lương của tháng liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập trung tập huấn và thi đấu chia cho 22 ngày (số ngày làm việc tiêu chuẩn trong một tháng).

2. Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên có số ngày thực tế tập huấn và thi đấu cao hơn số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng (nhiều hơn 22 ngày/tháng) thì cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chi trả tiền công bằng mức quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg cho những ngày vượt số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng.

3. Khoản tiền chi trả thêm do chênh lệch giữa tiền lương theo ngày và tiền công theo quy định tại khoản 1 và tiền công trả cho số ngày thực tế tập huấn và thi đấu vượt số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng quy định tại các khoản 2 của Điều này không dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Ví dụ 1: Huấn luyện viên A là huấn luyện viên của Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh T, hiện xếp lương ngạch huấn luyện viên (mã số 18.181), hệ số lương là 3,66. Huấn luyện viên A được Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao quyết định triệu tập tập trung tập huấn cho đội tuyển quốc gia tại Trung tâm huấn luyện thể

thao quốc gia Hà Nội, thời gian tập huấn 01 tháng, chế độ luyện tập 26 ngày/tháng thì huấn luyện viên A được hưởng chế độ tiền lương, tiền công trong thời gian tập trung tập huấn như sau:

a) Hưởng nguyên lương trong thời gian tập trung tập huấn do Trung tâm thể dục Thể thao tỉnh T trả (hệ số lương hiện hưởng x mức lương tối thiểu chung) là: $3,66 \times 1.050.000 \text{ đồng} = 3.843.000 \text{ đồng}$.

b) Phần chênh lệch do tiền lương theo ngày thấp hơn tiền công đối với huấn luyện viên đội tuyển quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg do Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội trả là:

$$200.000 \text{ đồng} - (1.050.000 \text{ đồng} \times 3,66)/22 \text{ ngày} = 25.318,18 \text{ đồng/ngày}$$

c) Tiền công cho những ngày tập huấn vượt số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng (04 ngày) do Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội trả là:

$$200.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ ngày} = 800.000 \text{ đồng}$$

Như vậy, tổng số tiền do Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội chi trả cho Huấn luyện viên A trong một tháng tập huấn (26 ngày) là:

$$(25.318,18 \text{ đồng} \times 22 \text{ ngày}) + (200.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ ngày}) = 1.357.000 \text{ đồng}.$$

Chương III

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, TRỢ CẤP MỘT LẦN

Điều 6. Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc

1. Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên vẫn có trách nhiệm trích nộp kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm chuyển cho cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên khoản kinh phí để nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định (bao gồm phần trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động và phần trách nhiệm đóng của người lao động).

3. Huấn luyện viên, vận động viên được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Cơ quan sử dụng huấn

luyện viên, vận động viên có trách nhiệm phối hợp cùng cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên trong việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế theo quy định.

Điều 7. Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc

Huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu nếu bị ốm hoặc bị tai nạn phải nghỉ luyện tập, nghỉ thi đấu hoặc chết thì được cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên giải quyết như sau:

1. Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên bị ốm hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình thì được chi trả toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh và được hưởng trợ cấp bằng 75% mức tiền công quy định tại Điều 1 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg cho những ngày nghỉ ốm hoặc nghỉ do thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình.

2. Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên bị tai nạn trong khi tập luyện, thi đấu thì được chi trả toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật và được hưởng trợ cấp bằng 100% mức tiền công quy định tại Điều 1 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg cho những ngày điều trị.

Sau khi thương tật của huấn luyện viên, vận động viên đã được điều trị ổn định, cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm giới thiệu huấn luyện viên, vận động viên đi giám định khả năng lao động. Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn thì được trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần được quy định như sau:

a) Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 tháng tiền lương tối thiểu chung, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương tối thiểu chung.

b) Ngoài mức trợ cấp quy định tại điểm a khoản này, còn được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo thời gian làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (nếu có thời gian ngắt quãng thì được cộng dồn), từ một năm (đủ 12 tháng) trở xuống được tính bằng 0,5 tháng tiền công (tiền công ngày x 26 ngày), sau đó cứ thêm mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 0,3 tháng tiền công.

3. Huấn luyện viên, vận động viên bị chết trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng mười tháng lương tối thiểu chung.